QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO SINH VIÊN DÂN TỘC KHMER TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ SÓC TRĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Lâm Hòa Nhẫn
Đại học Trà Vinh
Email: hoanhan616@gmail.com

Tóm tắt: *Bài báo đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer tại Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, nhằm đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn, xin ý kiến chuyên gia và thống kê toán học. Khảo sát được thực hiện với 08 viên chức quản lý, 60 giảng viên và 120 sinh viên dân tộc Khmer tại Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng. Kết quả cho thấy công tác quản lý đã đạt được những kết quả tích cực nhưng vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất hệ thống biện pháp quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Kết quả khảo nghiệm cho thấy các biện pháp đều được đánh giá ở mức rất cần thiết và rất khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.*

Từ khóa: *Quản lý; giáo dục kỹ năng sống; sinh viên dân tộc Khmer*

MANAGEMENT OF LIFE SKILLS EDUCATION FOR KHMER ETHNIC STUDENTS AT SOC TRANG VOCATIONAL COLLEGE, CAN THO CITY

Abstract: *This study examines the current status of the management of life skills education for Khmer ethnic students at Soc Trang Vocational College, Can Tho City, with the aim of proposing measures to improve management effectiveness. The research employed document analysis and synthesis, questionnaire surveys, interviews, expert consultation, and statistical analysis. The survey involved 8 administrators, 60 lecturers, and 120 Khmer ethnic students at Soc Trang Vocational College. The findings indicate that the management of life skills education has achieved positive results; however, several limitations remain and require further improvement. Based on these findings, the study proposes a system of management measures that is appropriate to the practical conditions of the college. The validation results show that all proposed measures were rated as highly necessary and highly feasible, confirming their practicality and potential to enhance the effectiveness of life skills education for Khmer ethnic students in vocational education institutions.*

Keywords: *Management; life skills education; Khmer ethnic minority students.*

Nhận bài: 13/05/2026 *Phản biện: 13/06/2026* *Duyệt đăng: 17/06/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, giáo dục không chỉ hướng đến trang bị kiến thức chuyên môn mà còn chú trọng phát triển kỹ năng sống, năng lực số và khả năng thích ứng của người học. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm hình thành nguồn nhân lực có năng lực nghề nghiệp, tư duy đổi mới và khả năng học tập suốt đời. Kết luận số 91-KL/TW năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Luật Giáo dục năm 2019 cùng các chiến lược quốc gia về chuyển đổi số (Quyết định số 749/QĐ-TTg và Quyết định số 1112/QĐ-TTg) đều nhấn mạnh yêu cầu phát triển phẩm chất, kỹ năng sống, năng lực số và khả năng thích ứng của người học, tạo cơ sở pháp lý cho việc đổi mới hoạt động giáo dục.

Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực địa phương. Đặc biệt, đối với sinh viên dân tộc Khmer, giáo dục kỹ năng sống góp phần nâng cao năng lực giao tiếp, khả năng hòa nhập xã hội, khắc phục rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và tăng cường khả năng tiếp cận các cơ hội học tập, việc làm trong nền kinh tế số.

Tuy nhiên, thực tiễn tại Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng cho thấy công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer vẫn còn những hạn chế về nội dung, hình thức tổ chức, công tác phối hợp giữa các lực lượng giáo dục và cơ chế kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động. Những hạn chế này ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục kỹ năng sống cũng như khả năng đáp ứng yêu cầu của người học trong bối cảnh chuyển đổi số. Xuất phát từ những yêu cầu trên, bài báo tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer tại Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý

nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng sống, góp phần phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số.

II. NỘI DUNG

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tiễn. Dữ liệu lý luận được thu thập thông qua phân tích, tổng hợp các văn bản pháp luật và tài liệu khoa học liên quan. Nghiên cứu thực tiễn sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi đối với 08 viên chức quản lý, 60 giảng viên và 120 sinh viên dân tộc Khmer tại Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng. Dữ liệu được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học để phân tích, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý.

2.2 Nội dung

2.2.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer tại trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng

Kết quả khảo sát cho thấy cả hai nhóm đối tượng đều đánh giá cao vai trò của giáo dục kỹ năng sống (KNS) đối với sinh viên dân tộc Khmer, với điểm trung bình chung đạt 4,54 ở nhóm cán bộ quản lý, giảng viên và 4,31 ở nhóm sinh viên. Cán bộ quản lý và giảng viên đánh giá cao nhất vai trò của KNS trong phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác (ĐTB = 4,60) và kỹ năng số (ĐTB = 4,59), trong khi sinh viên ưu tiên vai trò của KNS đối với phát triển năng lực nghề nghiệp (ĐTB = 4,42). Cả hai nhóm đều thống nhất rằng giáo dục KNS góp phần giúp sinh viên vượt qua rào cản ngôn ngữ, văn hóa và nâng cao khả năng hòa nhập. Tuy nhiên, nhận thức của sinh viên về vai trò của kỹ năng số còn thấp hơn các nội dung khác (ĐTB = 4,23), cho thấy cần tăng cường giáo dục năng lực số trong bối cảnh chuyển đổi số. Kết quả phỏng vấn, thảo luận nhóm và quan sát sư phạm cũng cho thấy mặc dù sinh viên có nhận thức tích cực và tham gia khá tốt các hoạt động rèn luyện KNS, một bộ phận vẫn còn hạn chế về sự tự tin, tính chủ động và khả năng giao tiếp. Đây là cơ sở quan trọng để nhà trường hoàn thiện nội dung và biện pháp quản lý hoạt động giáo dục KNS phù hợp với nhu cầu của sinh viên dân tộc Khmer.

2.2.2 Thực trạng thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer tại trường Cao đẳng Nghề

Kết quả khảo sát cho thấy các mục tiêu của hoạt động giáo dục kỹ năng sống (KNS) đều được đánh giá ở mức cao, với điểm trung bình chung đạt 4,29 ở nhóm cán bộ quản lý, giảng viên và 4,04 ở nhóm sinh viên dân tộc Khmer. Cả hai nhóm đều thống nhất mục tiêu quan trọng nhất là nâng cao cơ hội việc làm và hội nhập xã hội (CBQL, GV: ĐTB = 4,41; SV: ĐTB = 4,15), khẳng định vai trò của giáo dục KNS trong phát triển năng lực nghề nghiệp và khả năng thích ứng của người học. Bên cạnh đó, các mục tiêu về phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, khả năng thích ứng với môi trường học tập và làm việc, cũng như tự nhận thức và quản lý bản thân đều được đánh giá cao. Tuy nhiên, kỹ năng công nghệ và an toàn số được cán bộ quản lý, giảng viên đánh giá thấp nhất (ĐTB = 4,18), trong khi sinh viên đánh giá thấp nhất đối với mục tiêu phát triển tư duy phản biện và giải quyết vấn đề (ĐTB = 3,93). Kết quả phỏng vấn, thảo luận nhóm và quan sát sư phạm cho thấy sinh viên chủ yếu quan tâm đến các mục tiêu gắn trực tiếp với việc làm và hội nhập nghề nghiệp, trong khi chưa nhận thức đầy đủ vai trò của các năng lực nền tảng như tư duy phản biện, kỹ năng số và tự quản lý bản thân. Đây là cơ sở để nhà trường tiếp tục hoàn thiện mục tiêu và nội dung quản lý hoạt động giáo dục KNS theo hướng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển toàn diện người học.

2.2.3 Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer tại trường Cao đẳng Nghề

Bảng số liệu: Đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về nội dung hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer (CBQL+GV: 68; SV: 120; N=188)

Nội dung	Đối tượng	Mức độ					ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
		1. Rất thấp	2. Thấp	3. Trung bình	4. Cao	5. Rất cao			
1. Xây dựng hướng tích hợp, toàn diện	CBQL+ GV	0	0	14 (20,59%)	33 (48,53%)	21 (30,88%)	4,10	0,71	4
	SV DT Khmer	0	0	32 (26,67%)	57 (47,50%)	31 (25,83%)	3,99	0,73	4

2. Nội dung phát triển kỹ năng cá nhân	CBQL+ GV	0	0	17 (25,00%)	29 (42,65%)	22 (32,35%)	4,07	0,76	5
	SV DT Khmer	0	1 (0,83%)	23 (19,17%)	65 (54,17%)	31 (25,83%)	4,05	0,70	1
3. Nội dung phát triển kỹ năng xã hội	CBQL+ GV	0	0	12 (17,65%)	36 (52,94%)	20 (29,41%)	4,12	0,67	3
	SV DT Khmer	0	1 (0,83%)	29 (24,17%)	59 (49,17%)	31 (25,83%)	4,01	0,73	3
4. Kỹ năng thích ứng môi trường	CBQL+ GV	0	0	9 (13,24%)	33 (48,53%)	26 (38,24%)	4,25	0,67	1
	SV DT Khmer	0	0	25 (20,83%)	62 (51,67%)	33 (27,50%)	4,07	0,70	1
5. KNSo và an toàn thông tin	CBQL+ GV	0	1 (1,47%)	14 (20,59%)	35 (51,47%)	18 (26,47%)	4,03	0,74	6
	SV DT Khmer	0	1 (0,83%)	29 (24,17%)	62 (51,67%)	28 (23,33%)	3,98	0,71	5
6. Giao tiếp song ngữ Việt – Khmer	CBQL+ GV	0	5 (7,35%)	21 (30,88%)	26 (38,24%)	16 (23,53%)	3,78	0,89	7
	SV DT Khmer	2 (1,67%)	1 (0,83%)	34 (28,33%)	53 (44,17%)	30 (25,00%)	3,90	0,83	7
7. Lồng ghép văn hóa Khmer	CBQL+ GV	0	0	25 (36,76%)	26 (38,24%)	17 (25,00%)	3,88	0,77	6
	SV DT Khmer	2 (1,67%)	1 (0,83%)	26 (21,67%)	55 (45,83%)	36 (30,00%)	4,02	0,84	2
ĐTB chung	CBQL+ GV						4,03	0,75	
	SV DT Khmer						4,00	0,75	

Kết quả bảng số liệu cho thấy nội dung hoạt động giáo dục kỹ năng sống được cả cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên dân tộc Khmer đánh giá ở mức cao, với điểm trung bình chung lần lượt đạt 4,03 và 4,00. Đối với nhóm cán bộ quản lý, giảng viên, nội dung được đánh giá cao nhất là phát triển kỹ năng thích ứng với môi trường học tập và làm việc (ĐTB = 4,25), tiếp theo là phát triển kỹ năng xã hội (ĐTB = 4,12). Trong khi đó, sinh viên đánh giá cao nhất nội dung phát triển kỹ năng cá nhân và kỹ năng thích ứng với môi trường (cùng ĐTB = 4,07), đồng thời đánh giá tích cực việc lồng ghép văn hóa Khmer trong hoạt động giáo dục (ĐTB = 4,02). Ngược lại, giao tiếp song ngữ Việt – Khmer là nội dung được cả hai nhóm đánh giá thấp nhất (CBQL, GV: ĐTB = 3,78; SV: ĐTB = 3,90), cho thấy nội dung này chưa được quan tâm đúng mức trong quá trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống. Nhìn chung, kết quả phản ánh nội dung giáo dục kỹ năng sống của nhà trường tương đối phù hợp với yêu cầu phát triển người học; tuy nhiên, cần tăng cường giáo dục kỹ năng số, giao tiếp song ngữ và lồng ghép các giá trị văn hóa Khmer nhằm đáp ứng tốt hơn đặc điểm của sinh viên dân tộc Khmer và yêu cầu chuyển đổi số.

2.2.4. Thực trạng thực hiện phương pháp hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer tại trường Cao đẳng Nghề

Kết quả khảo sát cho thấy các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống (KNS) được triển khai ở mức khá thường xuyên, với điểm trung bình chung đạt 4,00 ở nhóm cán bộ quản lý, giảng viên và 3,76 ở nhóm sinh viên dân tộc Khmer. Nhóm cán bộ quản lý, giảng viên đánh giá cao nhất các phương pháp lấy người học làm trung tâm và trực quan, dễ hiểu (ĐTB = 4,13), trong khi sinh viên đánh giá cao nhất phương pháp học qua trải nghiệm, thực hành (ĐTB = 3,88). Điều này cho thấy hoạt động giáo dục KNS đã có sự đổi mới theo hướng phát huy tính chủ động của người

học và gắn với thực tiễn. Tuy nhiên, sinh viên đánh giá thấp hơn đối với phương pháp lấy người học làm trung tâm, phản ánh việc tham gia của người học vào quá trình tổ chức hoạt động còn hạn chế. Bên cạnh đó, các phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, gắn với văn hóa Khmer và ứng dụng công nghệ số có mức đánh giá chưa cao, cho thấy việc phát huy tính tương tác, lồng ghép bản sắc văn hóa và phát triển kỹ năng số vẫn cần được tăng cường. Kết quả phỏng vấn, thảo luận nhóm và quan sát sư phạm cũng khẳng định các hoạt động trải nghiệm tạo hiệu quả tích cực, song việc triển khai chưa đồng đều giữa các đơn vị. Đây là cơ sở để nhà trường tiếp tục đổi mới phương pháp tổ chức giáo dục KNS theo hướng tăng cường trải nghiệm, ứng dụng công nghệ và phù hợp với đặc điểm văn hóa của sinh viên dân tộc Khmer.

2.2.5. Thực trạng thực hiện xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer tại trường Cao đẳng nghề

Kết quả khảo sát cho thấy công tác xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống (KNS) cho sinh viên dân tộc Khmer được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình chung đạt 3,86. Tiêu chí được đánh giá cao nhất là tính linh hoạt và khả năng điều chỉnh kế hoạch (ĐTB = 4,06), tiếp theo là tích hợp yếu tố chuyển đổi số (ĐTB = 3,99) và xây dựng nội dung, phương pháp phù hợp (ĐTB = 3,93), cho thấy nhà trường đã quan tâm đổi mới công tác lập kế hoạch theo hướng thích ứng với thực tiễn và nhu cầu người học. Tuy nhiên, các tiêu chí huy động và phân bổ nguồn lực (ĐTB = 3,79), khảo sát nhu cầu sinh viên dân tộc Khmer (ĐTB = 3,75) và đặc biệt xác định mục tiêu rõ ràng (ĐTB = 3,72) còn đạt mức thấp hơn, phản ánh việc khảo sát nhu cầu người học, cụ thể hóa mục tiêu và bảo đảm nguồn lực chưa thật sự đồng bộ. Kết quả phỏng vấn, quan sát và nghiên cứu hồ sơ cũng cho thấy kế hoạch quản lý đã được xây dựng khá bài bản nhưng vẫn thiếu các chỉ số đánh giá cụ thể và chưa khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác lập kế hoạch. Đây là những nội dung cần tiếp tục hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động giáo dục KNS cho sinh viên dân tộc Khmer.

2.2.6. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer tại trường Cao đẳng Nghề

Kết quả khảo sát cho thấy công tác tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống (KNS) cho sinh viên dân tộc Khmer được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình chung đạt 3,82. Tiêu chí được đánh giá cao nhất là xây dựng môi trường học tập tích cực, khuyến khích sinh viên tham gia trải nghiệm (ĐTB = 3,93), tiếp theo là tổ chức hoạt động phù hợp với đặc điểm văn hóa, tâm lý sinh viên dân tộc Khmer (ĐTB = 3,91), cho thấy nhà trường đã chú trọng tạo môi trường học tập thân thiện và gắn hoạt động giáo dục với đặc điểm người học. Các tiêu chí về huy động, phối hợp các lực lượng giáo dục, phân công nhiệm vụ và chỉ đạo xây dựng cơ chế tổ chức đều được đánh giá ở mức khá (ĐTB từ 3,78–3,82). Tuy nhiên, đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động là tiêu chí có mức đánh giá thấp nhất (ĐTB = 3,68), phản ánh các hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ, mô phỏng tình huống nghề nghiệp và gắn kết với doanh nghiệp còn chưa phong phú. Kết quả phỏng vấn, thảo luận nhóm và quan sát sư phạm cũng cho thấy nhà trường đã bước đầu phát huy vai trò của các lực lượng giáo dục và tạo môi trường trải nghiệm tích cực, nhưng cần tiếp tục mở rộng hoạt động thực tiễn, tăng cường phối hợp với doanh nghiệp và đổi mới hình thức tổ chức nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục KNS cho sinh viên dân tộc Khmer.

2.2.7. Thực trạng thực hiện chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer tại trường Cao đẳng Nghề

Kết quả khảo sát cho thấy công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng sống (GDKNS) cho sinh viên dân tộc Khmer được đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên đánh giá ở mức khá tốt (ĐTB = 3,84; ĐLC = 0,74), với các tiêu chí đạt từ 3,72 đến 4,00. Tiêu chí được đánh giá cao nhất là chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục kỹ năng sống (ĐTB = 4,00; ĐLC = 0,62), phản ánh sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường trong việc huy động các lực lượng giáo dục tham gia hỗ trợ sinh viên. Tiếp theo là tạo động lực cho giảng viên và sinh viên thông qua cơ chế khuyến khích, khen thưởng (ĐTB = 3,94) và chỉ đạo các hoạt động phù hợp với đặc thù sinh viên dân tộc Khmer (ĐTB = 3,87), cho thấy nhà trường đã chú trọng tạo môi trường thuận lợi và quan tâm đến đặc điểm văn hóa của người học.

Tuy nhiên, tiêu chí ban hành quy định, hướng dẫn chuyên môn về giáo dục kỹ năng sống có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB = 3,72), cho thấy hệ thống văn bản hướng dẫn và cơ chế chỉ đạo chuyên môn chưa thật sự đồng bộ, còn thiếu tính định hướng và thống nhất trong triển khai. Nhìn chung, công tác chỉ đạo đã phát huy hiệu quả trong

việc điều hành và huy động các nguồn lực, song cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, hệ thống hướng dẫn chuyên môn và chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer.

2.2.8. Đề xuất biện pháp quản lý hoạt động gd kns cho sv dân tộc khmer tại trường cao đẳng nghề sóc trăng, thành phố cần thơ

- Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức của CBQL, GV, SV và các lực lượng liên quan về vai trò của GD KNS đối với SV dân tộc Khmer.

- Biện pháp 2: Đổi mới công tác xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động GD KNS theo hướng dựa trên nhu cầu người học và ứng dụng chuyển đổi số.

- Biện pháp 3: Tổ chức hoạt động GD KNS theo hướng trải nghiệm, gắn với văn hóa Khmer, môi trường nghề nghiệp và năng lực số.

- Biện pháp 4: Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá và xây dựng hệ thống dữ liệu quản lý hoạt động GD KNS.

- Biện pháp 5: Xây dựng hệ sinh thái phối hợp và huy động nguồn lực số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GD KNS.

Kết quả khảo nghiệm cho thấy hệ thống biện pháp đề xuất được các chuyên gia, cán bộ quản lý và giảng viên đánh giá rất cao cả về tính cần thiết và tính khả thi. Về tính cần thiết, điểm trung bình chung đạt 4,81 (ĐLC = 0,39), trong đó các biện pháp đều đạt từ 4,75–4,89. Biện pháp 3 được đánh giá cần thiết nhất (ĐTB = 4,89), tiếp theo là Biện pháp 1 (ĐTB = 4,82) và Biện pháp 5 (ĐTB = 4,81), phản ánh sự phù hợp của các giải pháp với yêu cầu đổi mới hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer. Về tính khả thi, điểm trung bình chung đạt 4,72 (ĐLC = 0,45), với các biện pháp đều được đánh giá ở mức rất khả thi (ĐTB từ 4,66–4,78). Trong đó, Biện pháp 1 có tính khả thi cao nhất (ĐTB = 4,78), tiếp theo là Biện pháp 5 (ĐTB = 4,74) và Biện pháp 3 (ĐTB = 4,72). Mặc dù Biện pháp 4 có điểm thấp nhất (ĐTB = 4,66), nhưng vẫn được đánh giá ở mức rất khả thi, cho thấy toàn bộ hệ thống biện pháp có tính đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn và có khả năng triển khai hiệu quả trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc Khmer tại Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, đồng thời đề xuất hệ thống biện pháp quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Kết quả khảo nghiệm cho thấy các biện pháp đều được đánh giá ở mức rất cần thiết và rất khả thi, khẳng định tính khoa học và khả năng triển khai trong thực tiễn. Việc áp dụng đồng bộ các biện pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống, phát triển toàn diện năng lực của sinh viên dân tộc Khmer, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Hà Nội.

Bộ Chính trị. (2024). Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hà Nội.

Quốc hội. (2019). Luật Giáo dục số 43/2019/QH14. Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ. (2020). Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 1112/QĐ-TTg ngày 18/9/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hà Nội.

Quốc hội. (2025). Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Hà Nội.

Isaksen, Anne Ryen. (2025). Life skills education as a balancing act: Preparing students to handle life challenges in upper secondary classrooms. Teaching and Teacher Education, 128, Article 104018.

Kholifah, Nur, Sutrisno, và cộng sự. (2025). Unlocking workforce readiness through digital employability skills in vocational education graduates. Journal of Technical Education and Training, 17(2), tr. 45–62.